Vietnam Tariff Intelligence

HS 9849 detail

HS code	9849
Description	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế.
Unit	
Generated	18/11/2026 04:17:11
Data version	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Verification status	Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified.
Link	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/9849/

253 tariff lines under 9849

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.11.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện để ghép nối (ví dụ, các đoạn nối, khớp, khuỷu, vành đệm): / - - Ống dẫn nhiên liệu, ống dẫn nhiệt và ống dẫn nước, dùng cho xe gắn động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.11		0%	0%	No data
9849.12.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng: / - - Loại sử dụng cho ô tô con (motor car) (kể cả loại ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô đua)		0%	0%	No data
9849.12.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng: / - - Loại dùng cho ô tô khách (buses) hoặc ô tô chở hàng (lorries): / - - - Chiều rộng không quá 450 mm		0%	0%	No data
9849.12.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng: / - - Loại dùng cho ô tô khách (buses) hoặc ô tô chở hàng (lorries): / - - - Chiều rộng không quá 450 mm		0%	0%	No data
9849.12.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng: / - - Loại dùng cho ô tô khách (buses) hoặc ô tô chở hàng (lorries): / - - - Chiều rộng không quá 450 mm		0%	0%	No data
9849.12.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng: / - - Loại dùng cho ô tô khách (buses) hoặc ô tô chở hàng (lorries): / - - - Chiều rộng không quá 450 mm		0%	0%	No data
9849.12.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng: / - - Loại dùng cho ô tô khách (buses) hoặc ô tô chở hàng (lorries): / - - - Loại khác		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.12.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng: / - - Loại khác: / - - - Loại dùng cho xe thuộc Chương 87		0%	0%	No data
9849.13.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp đắp lại: / - - Loại sử dụng cho ô tô con (motor car) (kể cả loại ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô đua)		0%	0%	No data
9849.13.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp đắp lại: / - - Loại dùng cho ô tô khách hoặc ô tô chở hàng: / - - - Chiều rộng không quá 450 mm		0%	0%	No data
9849.13.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lốp đắp lại: / - - Loại dùng cho ô tô khách hoặc ô tô chở hàng: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.14.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Săm các loại, bằng cao su: / - - Loại dùng cho ô tô con (motor car) (kể cả ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô đua), ô tô khách hoặc ô tô chở hàng: / - - - Loại dùng cho ô tô con (kể cả ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô đua): / - - - - Dùng cho loại lốp có chiều rộng không quá 450 mm		0%	0%	No data
9849.14.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Săm các loại, bằng cao su: / - - Loại dùng cho ô tô con (motor car) (kể cả ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô đua), ô tô khách hoặc ô tô chở hàng: / - - - Loại dùng cho ô tô con (kể cả ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô đua): / - - - - Dùng cho loại lốp có chiều rộng trên 450 mm		0%	0%	No data
9849.14.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Săm các loại, bằng cao su: / - - Loại dùng cho ô tô con (motor car) (kể cả ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô đua), ô tô khách hoặc ô tô chở hàng: / - - - Loại dùng cho ô tô khách hoặc ô tô chở hàng: / - - - - Dùng cho loại lốp có chiều rộng không quá 450 mm		0%	0%	No data
9849.14.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Săm các loại, bằng cao su: / - - Loại dùng cho ô tô con (motor car) (kể cả ô tô chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons) và ô tô đua), ô tô khách hoặc ô tô chở hàng: / - - - Loại dùng cho ô tô khách hoặc ô tô chở hàng: / - - - - Dùng cho loại lốp có chiều rộng trên 450 mm		0%	0%	No data
9849.14.31	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Săm các loại, bằng cao su: / - - Loại khác: / - - - Loại dùng cho các xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Phù hợp lắp cho loại lốp có chiều rộng không quá 450 mm		0%	0%	No data
9849.14.39	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Săm các loại, bằng cao su: / - - Loại khác: / - - - Loại dùng cho các xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Phù hợp lắp cho loại lốp có chiều rộng trên 450 mm		0%	0%	No data
9849.15.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng: / - - Miếng đệm, vòng đệm và các miếng chèn khác: / - - - Miếng đệm và vành khung tròn, loại dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.15.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng: / - - Miếng đệm, vòng đệm và các miếng chèn khác: / - - - Loại khác: / - - - - Bộ phận và phụ kiện dùng cho xe thuộc Chương 87: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.05, trừ viền cao su quanh kính cửa		0%	0%	No data
9849.15.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng: / - - Miếng đệm, vòng đệm và các miếng chèn khác: / - - - Loại khác: / - - - - Bộ phận và phụ kiện dùng cho xe thuộc Chương 87: / - - - - - Viền cao su quanh kính cửa, dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.16.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Kính an toàn, bao gồm kính tôi hoặc kính dán nhiều lớp (laminated glass): / - - Kính an toàn cứng (đã tôi): / - - - Có kích cỡ và hình dạng phù hợp với từng loại xe, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thuyền: / - - - - Phù hợp dùng cho xe thuộc Chương 87		0%	0%	No data
9849.16.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Kính an toàn, bao gồm kính tôi hoặc kính dán nhiều lớp (laminated glass): / - - Kính dán an toàn nhiều lớp: / - - - Có kích cỡ và hình dạng phù hợp với từng loại xe, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thuyền: / - - - - Phù hợp dùng cho xe thuộc Chương 87		0%	0%	No data
9849.18.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép: / - - Lò xo lá và các lá lò xo: / - - - Dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.18.20	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép: / - - Lò xo lá và các lá lò xo: / - - - Dùng cho xe có động cơ khác		0%	0%	No data
9849.18.30	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép: / - - Lò xo cuộn: / - - - Dùng cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.18.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.20.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh không quá 50 cc		0%	0%	No data
9849.20.12	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - - Dung tích xilanh trên 50 cc nhưng không quá 110 cc: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.20.13	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - - Dung tích xilanh trên 110 cc nhưng không quá 250 cc: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.20.14	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 250 cc nhưng không quá 1.000 cc: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.20.15	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - - Loại khác: / - - - - - - Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc		0%	0%	No data
9849.20.16	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - - Loại khác: / - - - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.000 cc		0%	0%	No data
9849.20.17	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - - Loại khác: / - - - - - - Dung tích xi lanh trên 3.000 cc		0%	0%	No data
9849.20.18	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc		0%	0%	No data
9849.20.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.000 cc		0%	0%	No data
9849.20.20	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Dung tích xi lanh trên 1.000 cc: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dung tích xi lanh trên 3.000 cc		0%	0%	No data
9849.21.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Động cơ dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.21.12	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Động cơ dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.500 cc		0%	0%	No data
9849.21.13	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Động cơ dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dung tích xi lanh trên 3.500 cc		0%	0%	No data
9849.21.14	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Động cơ dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Loại khác: / - - - - Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc		0%	0%	No data
9849.21.15	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Động cơ dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Loại khác: / - - - - Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.500 cc		0%	0%	No data
9849.21.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel): / - - Động cơ dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - - Loại khác: / - - - - Dung tích xi lanh trên 3.500 cc		0%	0%	No data
9849.22.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Chế hòa khí và bộ phận của chúng		0%	0%	No data
9849.22.12	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Thân động cơ (cylinder block); hộp trục khuỷu		0%	0%	No data
9849.22.13	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Ống xi lanh, có đường kính trong từ 50 mm trở lên, nhưng không quá 155 mm		0%	0%	No data
9849.22.14	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Ống xi lanh khác		0%	0%	No data
9849.22.15	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Quy lát và nắp quy lát		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.22.16	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Piston, có đường kính ngoài từ 50 mm trở lên, nhưng không quá 155 mm		0%	0%	No data
9849.22.17	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Piston khác		0%	0%	No data
9849.22.18	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Bạc piston và chốt piston		0%	0%	No data
9849.22.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho động cơ đốt trong kiểu đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Dùng cho xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.22.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Chế hòa khí và bộ phận của chúng		0%	0%	No data
9849.22.22	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Thân động cơ (cylinder block); hộp trục khuỷu		0%	0%	No data
9849.22.23	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Ống xi lanh, có đường kính trong từ 50 mm trở lên, nhưng không quá 155 mm		0%	0%	No data
9849.22.24	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Ống xi lanh khác		0%	0%	No data
9849.22.25	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Quy lát và nắp quy lát		0%	0%	No data
9849.22.26	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Piston, có đường kính ngoài từ 50 mm trở lên, nhưng không quá 155 mm		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.22.27	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Piston khác		0%	0%	No data
9849.22.28	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Bạc piston và chốt piston		0%	0%	No data
9849.22.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho động cơ của xe khác thuộc Chương 87: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.23.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng: / - - Bơm nhiên liệu, dầu bôi trơn hoặc bơm chất làm mát, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - - Bơm nhiên liệu loại sử dụng cho động cơ của xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.23.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng: / - - Bơm nhiên liệu, dầu bôi trơn hoặc bơm chất làm mát, dùng cho động cơ đốt trong kiểu piston: / - - - Bơm nước loại được sử dụng cho động cơ của xe có động cơ thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.24.00	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bơm không khí hoặc bơm chân không, máy nén không khí hay chất khí khác và quạt; nắp chụp hút tuần hoàn gió hoặc thông gió có kèm theo quạt, có hoặc không lắp bộ phận lọc: / - - Máy nén trừ loại thuộc phân nhóm 8414.30 hoặc 8414.40: / - - - Dùng cho máy điều hoà không khí của ô tô		0%	0%	No data
9849.25.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Loại sử dụng cho người, trong xe có động cơ: / - - - Công suất làm mát không quá 26,38 kW		0%	0%	No data
9849.25.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Loại sử dụng cho người, trong xe có động cơ: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.25.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Loại khác: / - - - Kèm theo một bộ phận làm lạnh và một van đảo chiều chu trình nóng/lạnh (bơm nhiệt có đảo chiều): / - - - - Sử dụng cho xe có động cơ (trừ loại thuộc phân nhóm 8415.20): / - - - - - Công suất làm mát không quá 26,38 kW		0%	0%	No data
9849.25.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Loại khác: / - - - Kèm theo một bộ phận làm lạnh và một van đảo chiều chu trình nóng/lạnh (bơm nhiệt có đảo chiều): / - - - - Sử dụng cho xe có động cơ (trừ loại thuộc phân nhóm 8415.20): / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.25.31	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, có kèm theo bộ phận làm lạnh: / - - - - Sử dụng cho xe có động cơ (trừ loại thuộc phân nhóm 8415.20): / - - - - - Công suất làm mát không quá 26,38 kW		0%	0%	No data
9849.25.39	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, có kèm theo bộ phận làm lạnh: / - - - - Sử dụng cho xe có động cơ (trừ loại thuộc phân nhóm 8415.20): / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.25.41	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Loại khác: / - - - Không gắn kèm bộ phận làm lạnh: / - - - - Sử dụng cho xe có động cơ (trừ loại thuộc phân nhóm 8415.20): / - - - - - Công suất làm mát không quá 26,38 kW		0%	0%	No data
9849.25.49	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Loại khác: / - - - Không gắn kèm bộ phận làm lạnh: / - - - - Sử dụng cho xe có động cơ (trừ loại thuộc phân nhóm 8415.20): / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.25.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt: / - - Bộ phận: / - - - Của máy có công suất làm mát không quá 21,10 kW: / - - - - Thiết bị làm bay hơi hoặc ngưng tụ dùng cho máy điều hoà không khí lắp trên xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.26.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí: / - - Máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế chất lỏng: / - - - Bộ lọc dầu hoặc xăng cho động cơ đốt trong: / - - - - Dùng cho xe có động cơ thuộc Chương 87: / - - - - - Bộ lọc dầu		0%	0%	No data
9849.26.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí: / - - Máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế chất lỏng: / - - - Bộ lọc dầu hoặc xăng cho động cơ đốt trong: / - - - - Dùng cho xe có động cơ thuộc Chương 87: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.26.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí: / - - Máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế chất lỏng: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác, thiết bị lọc xăng		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.26.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí: / - - Máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế chất lỏng: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác, thiết bị lọc dầu		0%	0%	No data
9849.26.30	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí: / - - Máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế các loại khí: / - - - Bộ lọc khí nạp cho động cơ đốt trong: / - - - - Dùng cho xe có động cơ thuộc Chương 87		0%	0%	No data
9849.26.40	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí: / - - Bộ phận: / - - - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8421.31		0%	0%	No data
9849.26.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí: / - - Bộ phận: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.26.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí: / - - Bộ phận: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.27.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Vòi, van và các thiết bị tương tự dùng cho đường ống, thân nồi hơi, bể chứa hay các loại tương tự, kể cả van giảm áp và van điều chỉnh bằng nhiệt: / - - Van ngắt nhiên liệu dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.27.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Vòi, van và các thiết bị tương tự dùng cho đường ống, thân nồi hơi, bể chứa hay các loại tương tự, kể cả van giảm áp và van điều chỉnh bằng nhiệt: / - - Van ngắt nhiên liệu dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.28.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên: / - - - Trục cam và trục khuỷu dùng cho động cơ xe của Chương 87: / - - - - Loại khác: / - - - - - Cho xe có dung tích xi lanh không quá 2.000 cc		0%	0%	No data
9849.28.12	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên: / - - - Trục cam và trục khuỷu dùng cho động cơ xe của Chương 87: / - - - - Loại khác: / - - - - - Cho xe có dung tích xi lanh trên 2.000 cc đến 3.000 cc		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.28.13	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên: / - - - Trục cam và trục khuỷu dùng cho động cơ xe của Chương 87: / - - - - Loại khác: / - - - - - Cho xe có dung tích xi lanh trên 3.000 cc		0%	0%	No data
9849.28.20	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Thân ổ, lắp ổ bi hoặc ổ đũa: / - - - Dùng cho động cơ xe của Chương 87		0%	0%	No data
9849.28.30	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Thân ổ, không lắp ổ bi hay ổ đũa; gối đỡ trục dùng ổ trượt: / - - - Dùng cho động cơ xe của Chương 87		0%	0%	No data
9849.28.40	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Bộ bánh răng và cụm bánh răng ăn khớp, trừ bánh xe có răng, đĩa xích và các bộ phận truyền chuyển động ở dạng riêng biệt; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn: / - - - Dùng cho xe thuộc Chương 87		0%	0%	No data
9849.28.50	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Bánh đà và ròng rọc, kể cả khối pu li		0%	0%	No data
9849.28.60	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng)		0%	0%	No data
9849.28.91	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Bánh xe có răng, đĩa xích và các bộ phận truyền chuyển động riêng biệt; các bộ phận: / - - - Dùng cho hàng hóa khác thuộc Chương 87		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.28.99	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng): / - - Bánh xe có răng, đĩa xích và các bộ phận truyền chuyển động riêng biệt; các bộ phận: / - - - Dùng cho hàng hóa khác thuộc Chương 87		0%	0%	No data
9849.29.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Bugi đánh lửa: / - - - Sử dụng cho động cơ ô tô		0%	0%	No data
9849.29.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Magneto đánh lửa; dynamo mangneto; bánh đà từ tính: / - - - Sử dụng cho động cơ ô tô: / - - - - Loại chưa được lắp ráp		0%	0%	No data
9849.29.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Magneto đánh lửa; dynamo mangneto; bánh đà từ tính: / - - - Sử dụng cho động cơ ô tô: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.29.31	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Bộ phân phối điện; cuộn dây đánh lửa: / - - - Sử dụng cho động cơ ô tô: / - - - - Loại chưa được lắp ráp		0%	0%	No data
9849.29.39	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Bộ phân phối điện; cuộn dây đánh lửa: / - - - Sử dụng cho động cơ ô tô: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.29.41	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Động cơ khởi động và máy tổ hợp hai tính năng khởi động và phát điện: / - - - Động cơ khởi động khác chưa lắp ráp: / - - - - Sử dụng cho động cơ của nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.05		0%	0%	No data
9849.29.42	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Động cơ khởi động và máy tổ hợp hai tính năng khởi động và phát điện: / - - - Động cơ khởi động đã lắp ráp sử dụng cho động cơ của xe thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - - - Sử dụng cho động cơ của các nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.29.43	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Động cơ khởi động và máy tổ hợp hai tính năng khởi động và phát điện: / - - - Động cơ khởi động đã lắp ráp sử dụng cho động cơ của xe thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - - - Sử dụng cho động cơ của nhóm 87.05		0%	0%	No data
9849.29.49	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Động cơ khởi động và máy tổ hợp hai tính năng khởi động và phát điện: / - - - Loại khác: / - - - - Sử dụng cho động cơ của các nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.05		0%	0%	No data
9849.29.50	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Máy phát điện khác: / - - - Máy phát điện xoay chiều khác chưa lắp ráp: / - - - - Sử dụng cho động cơ của các nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.05		0%	0%	No data
9849.29.61	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Máy phát điện khác: / - - - Máy phát điện xoay chiều đã lắp ráp dùng cho động cơ của xe thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - - - Sử dụng cho động cơ của các nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.29.69	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Máy phát điện khác: / - - - Máy phát điện xoay chiều đã lắp ráp dùng cho động cơ của xe thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - - - Sử dụng cho động cơ của nhóm 87.05		0%	0%	No data
9849.29.71	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Máy phát điện khác: / - - - Loại khác: / - - - - Sử dụng cho động cơ của nhóm 87.02, 87.03, 87.04 hoặc 87.05		0%	0%	No data
9849.29.79	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Máy phát điện khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.29.80	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Thiết bị khác: / - - - Sử dụng cho động cơ ô tô		0%	0%	No data
9849.29.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên: / - - Bộ phận: / - - - Sử dụng cho động cơ ô tô		0%	0%	No data
9849.30.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ: / - - Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan khác: / - - - Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan chưa lắp ráp		0%	0%	No data
9849.30.20	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ: / - - Loại khác: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.30.31	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ: / - - Thiết bị tín hiệu âm thanh: / - - - Còi, đã lắp ráp		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.30.32	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ: / - - Thiết bị tín hiệu âm thanh: / - - - Thiết bị tín hiệu âm thanh chưa lắp ráp		0%	0%	No data
9849.30.33	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ: / - - Thiết bị tín hiệu âm thanh: / - - - Loại khác: / - - - - Thiết bị dò chướng ngại vật (cảnh báo) cho xe cộ		0%	0%	No data
9849.30.39	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ: / - - Thiết bị tín hiệu âm thanh: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.30.40	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ: / - - Cái gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết		0%	0%	No data
9849.30.50	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ: / - - Bộ phận: / - - - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8512.20, 8512.30 hoặc 8512.40		0%	0%	No data
9849.31.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000 V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang: / - - Cầu chì: / - - - Cầu chì nhiệt; cầu chì thủy tinh: / - - - - Khối cầu chì, loại sử dụng cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.31.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000 V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang: / - - Cầu chì: / - - - Loại khác: / - - - - Khối cầu chì, loại sử dụng cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.32.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; đèn đi-ốt phát quang (LED): / - - Đèn pha gắn kín (sealed beam lamp units): / - - - Dùng cho xe có động cơ thuộc Chương 87		0%	0%	No data
9849.32.20	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; đèn đi-ốt phát quang (LED): / - - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - - Bóng đèn ha-lo-gien vonfram: / - - - - Dùng cho xe có động cơ		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.32.30	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; đèn đi-ốt phát quang (LED): / - - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - - Loại khác: / - - - - Dùng cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.32.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; đèn đi-ốt phát quang (LED): / - - Bộ phận: / - - - Loại khác, dùng cho đèn của xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.32.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; đèn đi-ốt phát quang (LED): / - - Bộ phận: / - - - Loại khác, dùng cho đèn của xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.33.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - - Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe, phương tiện bay hoặc tàu thuyền: / - - - Bộ dây điện cho xe có động cơ: / - - - - Cách điện bằng cao su hoặc plastic: / - - - - - Loại dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04		0%	0%	No data
9849.33.20	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - - Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe, phương tiện bay hoặc tàu thuyền: / - - - Bộ dây điện cho xe có động cơ: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04		0%	0%	No data
9849.33.30	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - - Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe, phương tiện bay hoặc tàu thuyền: / - - Dây dẫn điện khác, dùng cho điện áp không quá 1.000 V: / - - - Đã lắp với đầu nối điện: / - - - - Cáp ắc quy: / - - - - - Cách điện bằng cao su hoặc plastic: / - - - - - - Cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04		0%	0%	No data
9849.33.40	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - - Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe, phương tiện bay hoặc tàu thuyền: / - - Dây dẫn điện khác, dùng cho điện áp không quá 1.000 V: / - - - Đã lắp với đầu nối điện: / - - - - Cáp ắc quy: / - - - - - Loại khác: / - - - - - - Cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04		0%	0%	No data
9849.34.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Thanh chắn chống va đập (ba đờ xốc) và bộ phận của nó: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.12	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Dây đai an toàn		0%	0%	No data
9849.34.13	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Các bộ phận của cửa xe: / - - - - - Đỡ tay trên cửa xe dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.14	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Các bộ phận của cửa xe: / - - - - - Loại khác, dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.34.15	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Các bộ phận của cửa xe: / - - - - - Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10		0%	0%	No data
9849.34.16	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Các bộ phận của cửa xe: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc xe khác thuộc nhóm 87.04		0%	0%	No data
9849.34.17	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Các bộ phận của cửa xe: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.18	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Bộ phận của dây đai an toàn		0%	0%	No data
9849.34.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - - - - - Phụ kiện trang trí nội thất; chắn bùn		0%	0%	No data
9849.34.20	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - - - - - Thanh chống nắp ca pô		0%	0%	No data
9849.34.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.22	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04: / - - - - - - Phụ kiện trang trí nội thất; chắn bùn		0%	0%	No data
9849.34.23	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04: / - - - - - - Thanh chống nắp ca pô		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.34.24	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04: / - - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.24	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04: / - - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả ca-bin): / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.31	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Phanh và trợ lực phanh; bộ phận của nó: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - - - Phanh trống, phanh đĩa hoặc phanh hơi		0%	0%	No data
9849.34.32	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Phanh và trợ lực phanh; bộ phận của nó: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.33	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Phanh và trợ lực phanh; bộ phận của nó: / - - - Phanh trống, phanh đĩa hoặc phanh hơi cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.34.39	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Phanh và trợ lực phanh; bộ phận của nó: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.41	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - - Hộp số, chưa lắp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.42	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - - Hộp số, chưa lắp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05		0%	0%	No data
9849.34.43	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - - Hộp số, chưa lắp hoàn chỉnh: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.34.44	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - - Hộp số, đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.45	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - - Hộp số, đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05		0%	0%	No data
9849.34.46	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - - Hộp số, đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.47	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - - Bộ phận: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.49	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - - Bộ phận: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.51	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Chưa lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.52	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Chưa lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc nhóm 87.05		0%	0%	No data
9849.34.53	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Chưa lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.54	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.55	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc nhóm 87.05		0%	0%	No data
9849.34.56	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Đã lắp ráp hoàn chỉnh: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.34.57	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Bộ phận: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - - - - Bánh răng vành khăn và bánh răng quả dứa		0%	0%	No data
9849.34.58	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Bộ phận: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.59	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Loại khác: / - - - - Bánh răng vành khăn và bánh răng quả dứa		0%	0%	No data
9849.34.60	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cầu chủ động có vi sai, có hoặc không kèm theo chi tiết khác của cụm hộp số, và các cầu bị động; các bộ phận của chúng: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.71	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Ốp đầu trục bánh xe: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.72	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Ốp đầu trục bánh xe: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04: / - - - - - Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10		0%	0%	No data
9849.34.73	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Ốp đầu trục bánh xe: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.74	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Ốp đầu trục bánh xe: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.75	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Bánh xe đã được lắp lốp: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.76	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Bánh xe đã được lắp lốp: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04 (trừ phân nhóm 8704.10)		0%	0%	No data
9849.34.77	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Bánh xe đã được lắp lốp: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.34.78	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Bánh xe chưa được lắp lốp: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.79	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Bánh xe chưa được lắp lốp: / - - - - Dùng cho xe tự đổ được thiết kế để sử dụng trên các loại đường không phải đường quốc lộ có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 45 tấn		0%	0%	No data
9849.34.80	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Bánh xe chưa được lắp lốp: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc xe khác thuộc nhóm 87.04		0%	0%	No data
9849.34.81	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Bánh xe chưa được lắp lốp: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.82	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Loại khác: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.34.83	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Loại khác: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.89	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Cụm bánh xe và bộ phận và phụ kiện của chúng: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.91	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hệ thống giảm chấn và bộ phận của nó (kể cả giảm sóc): / - - - Hệ thống giảm chấn: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.34.92	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hệ thống giảm chấn và bộ phận của nó (kể cả giảm sóc): / - - - Hệ thống giảm chấn: / - - - - Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10 hoặc nhóm 87.05		0%	0%	No data
9849.34.93	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hệ thống giảm chấn và bộ phận của nó (kể cả giảm sóc): / - - - Hệ thống giảm chấn: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.34.94	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hệ thống giảm chấn và bộ phận của nó (kể cả giảm sóc): / - - - Bộ phận: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.34.99	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Hệ thống giảm chấn và bộ phận của nó (kể cả giảm sóc): / - - - Bộ phận: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Két nước làm mát và bộ phận của chúng: / - - - - Két nước làm mát: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.35.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Két nước làm mát và bộ phận của chúng: / - - - - Két nước làm mát: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04: / - - - - - - Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10		0%	0%	No data
9849.35.22	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Két nước làm mát và bộ phận của chúng: / - - - - Két nước làm mát: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04: / - - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Két nước làm mát và bộ phận của chúng: / - - - - Két nước làm mát: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.31	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Két nước làm mát và bộ phận của chúng: / - - - - Bộ phận: / - - - - - Nút xả dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.35.32	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Két nước làm mát và bộ phận của chúng: / - - - - Bộ phận: / - - - - - Nút xả dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04 (trừ loại thuộc phân nhóm 8704.10)		0%	0%	No data
9849.35.33	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Két nước làm mát và bộ phận của chúng: / - - - - Bộ phận: / - - - - - Loại khác, dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.35.39	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Két nước làm mát và bộ phận của chúng: / - - - - Bộ phận: / - - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.41	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Ống xả và bộ giảm thanh; bộ phận của nó: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.35.42	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Ống xả và bộ giảm thanh; bộ phận của nó: / - - - - Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10: / - - - - - Ống xả và bộ giảm thanh		0%	0%	No data
9849.35.43	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Ống xả và bộ giảm thanh; bộ phận của nó: / - - - - Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8704.10: / - - - - - Bộ phận		0%	0%	No data
9849.35.44	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Ống xả và bộ giảm thanh; bộ phận của nó: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc xe khác thuộc nhóm 87.04: / - - - - - Ống xả và bộ giảm thanh		0%	0%	No data
9849.35.45	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Ống xả và bộ giảm thanh; bộ phận của nó: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc xe khác thuộc nhóm 87.04: / - - - - - Bộ phận		0%	0%	No data
9849.35.49	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ phận khác và các phụ kiện: / - - - Ống xả và bộ giảm thanh; bộ phận của nó: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.51	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ ly hợp và các bộ phận của nó: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.35.52	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ ly hợp và các bộ phận của nó: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05		0%	0%	No data
9849.35.59	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Bộ ly hợp và các bộ phận của nó: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.61	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Vô lăng, trụ lái và cơ cấu lái; bộ phận của nó: / - - - Vô lăng lắp với túi khí hoàn chỉnh: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.62	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Vô lăng, trụ lái và cơ cấu lái; bộ phận của nó: / - - - Loại khác: / - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.35.69	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Vô lăng, trụ lái và cơ cấu lái; bộ phận của nó: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.71	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Túi khí an toàn lắp với hệ thống bơm phồng; bộ phận của nó: / - - - Túi khí an toàn lắp với hệ thống bơm phồng		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.35.79	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Túi khí an toàn lắp với hệ thống bơm phồng; bộ phận của nó: / - - - Bộ phận		0%	0%	No data
9849.35.81	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Thùng nhiên liệu và bộ phận của chúng: / - - - - - Thùng nhiên liệu		0%	0%	No data
9849.35.82	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Thùng nhiên liệu và bộ phận của chúng: / - - - - - Nửa dưới của thùng nhiên liệu; nắp đậy thùng nhiên liệu; ống dẫn của thùng nhiên liệu (filler pipes); ống dẫn hướng có đầu nối với bình nhiên liệu (filler hose); đai giữ bình nhiên liệu		0%	0%	No data
9849.35.83	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Thùng nhiên liệu và bộ phận của chúng: / - - - - - Các bộ phận khác		0%	0%	No data
9849.35.84	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Chân ga (bàn đạp ga), chân phanh (bàn đạp phanh) hoặc chân côn (bàn đạp côn)		0%	0%	No data
9849.35.85	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Giá đỡ hoặc khay đỡ bình ắc qui và khung của nó		0%	0%	No data
9849.35.86	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Tấm hướng luồng khí tản nhiệt		0%	0%	No data
9849.35.87	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Khung xe hoặc các bộ phận của chúng: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02		0%	0%	No data
9849.35.88	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Khung xe hoặc các bộ phận của chúng: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03		0%	0%	No data
9849.35.89	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Khung xe hoặc các bộ phận của chúng: / - - - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.35.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Khung giá đỡ động cơ		0%	0%	No data
9849.35.91	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.35.92	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Thùng nhiên liệu chưa lắp ráp; khung giá đỡ động cơ		0%	0%	No data
9849.35.99	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.36.00	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Tỷ trọng kế và các dụng cụ đo dạng nổi tương tự, nhiệt kế, hoả kế, khí áp kế, ẩm kế, có hoặc không ghi, và tổ hợp của chúng: / - - Loại khác: / - - - Hoạt động bằng điện: / - - - - Máy đo nhiệt độ dùng cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.37.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng: / - - - Dụng cụ đo mức sử dụng cho xe có động cơ, hoạt động bằng điện		0%	0%	No data
9849.37.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng: / - - - Dụng cụ đo mức sử dụng cho xe có động cơ, không hoạt động bằng điện		0%	0%	No data
9849.37.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32: / - - Để đo hoặc kiểm tra áp suất: / - - - Máy đo áp suất sử dụng cho xe có động cơ, không hoạt động bằng điện		0%	0%	No data
9849.38.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.14 hoặc 90.15; máy hoạt nghiệm: / - - Đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc; máy hoạt nghiệm: / - - - Đồng hồ tốc độ dùng cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.38.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.14 hoặc 90.15; máy hoạt nghiệm: / - - Đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc; máy hoạt nghiệm: / - - - Đồng hồ tốc độ dùng cho xe có động cơ		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.38.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.14 hoặc 90.15; máy hoạt nghiệm: / - - Đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc; máy hoạt nghiệm: / - - - Máy đo tốc độ góc cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.38.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.14 hoặc 90.15; máy hoạt nghiệm: / - - Đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc; máy hoạt nghiệm: / - - - Máy đo tốc độ góc cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.39.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Đồng hồ thời gian lắp trên bàn điều khiển phương tiện và các loại đồng hồ thời gian tương tự dùng cho xe cộ, phương tiện bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thủy: / - - Dùng cho xe cộ		0%	0%	No data
9849.39.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Đồng hồ thời gian lắp trên bàn điều khiển phương tiện và các loại đồng hồ thời gian tương tự dùng cho xe cộ, phương tiện bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thủy: / - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.40.11	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng: / - - Ghế dùng cho xe có động cơ: / - - - Của xe thuộc nhóm 87.02, 87.03 hoặc 87.04		0%	0%	No data
9849.40.19	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng: / - - Ghế dùng cho xe có động cơ: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.40.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng: / - - Bộ phận: / - - - Miếng lót cho tựa đầu của ghế thuộc phân nhóm 9401.20.10		0%	0%	No data
9849.40.22	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng: / - - Bộ phận: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.40.22	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng: / - - Bộ phận: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.41.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy thu thanh sóng vô tuyến không thể hoạt động khi không có nguồn điện ngoài, loại dùng cho xe có động cơ: / - - Kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh		0%	0%	No data
9849.41.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy thu thanh sóng vô tuyến không thể hoạt động khi không có nguồn điện ngoài, loại dùng cho xe có động cơ: / - - Kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh		0%	0%	No data
9849.41.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Máy thu thanh sóng vô tuyến không thể hoạt động khi không có nguồn điện ngoài, loại dùng cho xe có động cơ: / - - Loại khác		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.42.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ điện thuộc nhóm 85.01, trừ loại dùng cho các mặt hàng thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16: / - - Động cơ vạn năng một chiều/xoay chiều có công suất trên 1 kW		0%	0%	No data
9849.42.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ điện thuộc nhóm 85.01, trừ loại dùng cho các mặt hàng thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16: / - - Động cơ một chiều khác: / - - - Công suất trên 750 W nhưng không quá 37,5 kW		0%	0%	No data
9849.42.22	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ điện thuộc nhóm 85.01, trừ loại dùng cho các mặt hàng thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16: / - - Động cơ một chiều khác: / - - - Công suất trên 37,5 kW nhưng không quá 75 kW		0%	0%	No data
9849.42.30	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ điện thuộc nhóm 85.01, trừ loại dùng cho các mặt hàng thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16: / - - Động cơ xoay chiều khác, một pha, công suất trên 1 kW		0%	0%	No data
9849.42.40	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Động cơ điện thuộc nhóm 85.01, trừ loại dùng cho các mặt hàng thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16: / - - Động cơ xoay chiều khác, đa pha, công suất trên 1 kW nhưng không quá 37,5 kW		0%	0%	No data
9849.43.10	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Pin và bộ pin: / - - Bằng liti		0%	0%	No data
9849.43.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Pin và bộ pin: / - - Loại khác (trừ loại thuộc phân nhóm 8506.10, 8506.30, 8506.40, 8506.50, 8506.60), trừ loại bằng kẽm carbon: / - - - Có thể tích ngoài không quá 300 cm3		0%	0%	No data
9849.43.21	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Pin và bộ pin: / - - Loại khác (trừ loại thuộc phân nhóm 8506.10, 8506.30, 8506.40, 8506.50, 8506.60), trừ loại bằng kẽm carbon: / - - - Có thể tích ngoài không quá 300 cm3		0%	0%	No data
9849.43.29	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Pin và bộ pin: / - - Loại khác (trừ loại thuộc phân nhóm 8506.10, 8506.30, 8506.40, 8506.50, 8506.60), trừ loại bằng kẽm carbon: / - - - Loại khác		0%	0%	No data
9849.43.90	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Pin và bộ pin: / - - Bộ phận		0%	0%	No data
9849.44.00	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Phụ kiện lắp trên thân xe (coachwork) trừ các mặt hàng vít, bu lông, đai ốc, vít đầu vuông, vít treo, đinh tán, chốt hãm, chốt định vị, vòng đệm bằng plastic		0%	0%	No data
9849.45.00	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Bản lề để móc khóa (Hasps) dùng cho xe có động cơ		0%	0%	No data
9849.46.00	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Engine ECU và các bộ điều khiển khác, được sử dụng cho xe có động cơ		0%	0%	No data

HS code	Description	Unit	Ordinary import duty	MFN	VAT
9849.46.00	Các mặt hàng linh kiện ô tô nhập khẩu để thực hiện Chương trình ưu đãi thuế. / - Engine ECU và các bộ điều khiển khác, được sử dụng cho xe có động cơ		0%	0%	No data

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.